

PHỤ LỤC

Advanced due diligence framework

Khung thẩm định chi tiết mở rộng

VINASEED conducts due diligence on all consultants, vendors and partners with whom we work as part of our commitment to our donors as well as to the delivery of quality services and programming. In this way, we aim to ensure the best use of the funds with which we are entrusted.

VINASEED tiến hành thẩm định chi tiết đối với tất cả các chuyên gia tư vấn, nhà cung cấp và đối tác mà chúng tôi làm việc như một phần trong cam kết của chúng tôi với các nhà tài trợ cũng như việc cung cấp các dịch vụ chất lượng cho chương trình/ dự án. Bằng cách này, chúng tôi hướng đến việc đảm bảo sử dụng tốt nhất các khoản tiền mà chúng tôi được ủy thác.

The data supplied in this due diligence framework will be validated by VINASEED through remote or physical checks, or both. In accordance with the General Data Protection Regulation (GDPR) framework (which complies with the European Union's GDPR 2018), the hardcopy and electronic data you provide will be kept secure and will only be used by VINASEED for programming and procurement purposes. Data will be kept for 10 years at which point it will be destroyed. By submitting your signed due diligence framework, you stipulate that you agree with this data use, storage and protection.

Dữ liệu được cung cấp trong khung thẩm định chi tiết này sẽ được VINASEED xác nhận thông qua kiểm tra từ xa hoặc kiểm tra thực tế hoặc cả hai. Theo Quy định Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) (theo GDPR 2018 của Liên minh châu Âu), bản cứng và bản mềm dữ liệu mà Ông/ Bà cung cấp sẽ được giữ an toàn và sẽ được VINASEED sử dụng chỉ cho mục đích thực hiện dự án và mua sắm. Dữ liệu này sẽ được lưu giữ trong 10 năm và sẽ được hủy. Bằng cách gửi khung thẩm định chi tiết đã ký kết, Ông/ Bà xác nhận đồng ý với việc sử dụng, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu này.

Please complete the following form to the best of your ability.

Vui lòng điền vào mẫu sau đây.

Please provide copies of all attachments and documents that are requested in the form.

Vui lòng cung cấp bản sao các tài liệu được yêu cầu trong biểu mẫu sau.

Part A – General information/ Phần A - Thông tin chung

Name of partner/vendor/consultant <i>Tên đối tác/nhà cung cấp/tư vấn</i>	
Trading name (if different from above) <i>Tên giao dịch (nếu khác với nội dung ở trên)</i>	
Postal address <i>Địa chỉ gửi thư</i>	
Physical location of business premises <i>Địa chỉ cơ sở kinh doanh</i>	Town/ Thị trấn:
	Street/ Đường phố:
	Ward/ commune/ Phường/ xã:
	Building name/ Tên tòa nhà:
	Floor/ Tầng:

Primary contact person <i>Người liên lạc chính</i>	Name/ <i>Tên:</i>
	Mobile number/ <i>Số điện thoại di động:</i>
	Email:
Nature of organisation (e.g. sole proprietorship, non-governmental organisation, public limited company, partnership, etc) <i>Loại hình tổ chức (ví dụ: doanh nghiệp tư nhân, tổ chức phi chính phủ, công ty TNHH, quan hệ đối tác, v.v.)</i>	
Name(s) of the proprietor, directors or partners and their nationality <i>Tên của chủ sở hữu, giám đốc hoặc đối tác và quốc tịch</i>	
Name, nationality and position held <i>Tên, quốc tịch và chức vụ</i>	
Name, nationality and position held <i>Tên, quốc tịch và chức vụ</i>	
Vendor/ consultant's operations <i>Lĩnh vực hoạt động của nhà cung cấp/ tư vấn</i>	Year established/registered: <i>Năm thành lập / đăng ký</i>
	Duration of operation: <i>Thời gian hoạt động</i>
	Objectives, mandate, mission: <i>Mục tiêu, Thẩm quyền, Nhiệm Vụ</i>
Outside of your registered physical premises listed above, list the address of any and all offices from which you operate to provide services <i>Ngoài địa chỉ đã đăng ký ở trên, Ông/ Bà hãy liệt kê địa chỉ các văn phòng mà đơn vị của Ông/ Bà hoạt động để cung cấp dịch vụ</i>	
Vendor/consultant registration no. and country of registration (attach copy) <i>Số đăng ký kinh doanh của nhà cung cấp dịch vụ/ tư vấn và quốc gia đăng ký (Đính kèm bản sao)</i>	Country of registration: Vietnam <i>Quốc gia đăng ký:</i> Number/Số:
VAT registration no. (attach copy) <i>Số đăng ký VAT (Đính kèm bản sao)</i>	Number/Số:
Tax identification number registration (attach copy) <i>Đăng Ký Mã Số Thuế. (Đính kèm bản sao)</i>	Number/Số:
Trade licence/business permit (attach copy) <i>Giấy phép kinh doanh (Đính kèm bản sao)</i>	Number/Số:

In addition to the documents listed in Part A above, partners, vendors and consultants must provide copies of the following documents:

Ngoài các tài liệu được liệt kê trong Phần A ở trên, các đối tác, nhà cung cấp và đơn vị tư vấn phải cung cấp bản sao của các tài liệu sau:

- Annual report (incl. financial report) of last two financial years;/ *Báo cáo hàng năm (bao gồm báo cáo tài chính) của hai năm tài chính gần nhất;*

- External independent audit report with management letter of the last financial year;/ Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo thư đại diện của năm tài chính gần nhất;
- Organisation chart and/or bylaws;/ Sơ đồ tổ chức và/hoặc các quy định;
- Proof and confirmation that statutory social insurance contributions and taxes, etc. required by national laws have been paid. / Bằng chứng và xác nhận đã hoàn thành các khoản đóng góp và thuế bảo hiểm xã hội theo luật định, v.v. theo luật Việt Nam.

Part B – Eligibility/ Phần B – Điều kiện bắt buộc

Do any of the following apply to your firm/company/organisation, or to (any of) the director(s)/partner(s)/proprietor(s) Có bất kỳ điều nào sau đây áp dụng cho công ty hoặc tổ chức của ông/bà, hoặc (bất kỳ) giám đốc/ đối tác/ chủ sở hữu hay không?		
Have you or your principals been the subject of legal proceedings for insolvency, bankruptcy, receivership or your business activities suspended for related reasons? Ông/ Bà hoặc giám đốc của Ông/Bà có đã từng liên quan đến các thủ tục tố tụng pháp lý vì mất khả năng thanh toán, phá sản, bị quản lý tài sản hoặc các hoạt động kinh doanh của Ông/ Bà bị đình chỉ vì lý do liên quan chưa?	Yes/ No Có/Không	If yes, give details Nếu Có, cung cấp chi tiết
Have you been convicted of a criminal offence related to business or professional conduct? Ông/ Bà đã từng bị kết án hình sự liên quan đến hành vi kinh doanh chưa?	Yes/ No Có/Không	If yes, give details Nếu Có, cung cấp chi tiết
Have you had any contracts terminated for poor performance in the last five years, or any contracts where damages have been claimed by the client? Ông/ Bà đã có bất kỳ hợp đồng nào bị chấm dứt vì hoạt động kém hiệu quả trong năm năm qua chưa, hoặc có bất kỳ hợp đồng nào mà khách hàng đã yêu cầu bồi thường thiệt hại chưa?	Yes/ No Có/Không	If yes, give details Nếu Có, cung cấp chi tiết

Part C – Conflict of interest/ Phần c – Xung đột lợi ích

Please provide answers to the following statements:

Vui lòng cung cấp câu trả lời cho các tuyên bố sau:

To the best of your knowledge, have you or any employee or staff member of your organisation or firm, ever been employed by VINASEED? Theo những gì Ông/ Bà biết, Ông/ Bà hoặc bất kỳ nhân viên nào trong tổ chức hoặc công ty của Ông/ Bà đã từng được VINASEED tuyển dụng chưa?	Yes or No Có hoặc Không
---	---------------------------------------

If yes, provide the name of the person in your organisation, and a description of the employment period, including job title, the duration of the employment period, the country of employment. <i>Nếu Có, hãy cung cấp tên của người trong tổ chức của Ông/Bà và mô tả về thời gian làm việc, bao gồm cả chức danh, thời gian làm việc, quốc gia làm việc.</i>	
Is any employee or staff member of your firm, company or organisation related (by blood, marriage or otherwise) to any employee of VINASEED in Vietnam)? <i>Có nhân viên nào trong công ty/ tổ chức của Ông/ Bà có liên quan (theo huyết thống, hôn nhân) với bất kỳ nhân viên nào của VINASEED không?</i>	Yes or No <i>Có hoặc Không</i>
If yes, please provide the name of your staff and the name of the VINASEED staff member they are related to. State the nature of the relationship. <i>Nếu có, vui lòng cung cấp tên của nhân viên của Ông/ Bà và tên của nhân viên VINASEED mà họ có liên quan. Nêu rõ bản chất của mối quan hệ</i>	
Are there any other potential conflicts of interest between you/your firm, company or organisation and VINASEED or any of its partners, staff, offices, contracted consultants or vendors? <i>Có bất kỳ xung đột lợi ích tiềm năng nào khác giữa Ông/Bà, công ty hoặc tổ chức của Ông/ Bà và VINASEED hay có bất kỳ xung đột tiềm năng nào giữa đối tác, nhân viên, văn phòng, tư vấn hoặc nhà cung cấp nào trong hợp đồng không?</i>	Yes or No <i>Có hoặc Không</i>
If yes, please provide further information here. <i>Nếu có, xin vui lòng cung cấp thêm thông tin ở đây.</i>	

Conflict of Interest Checklist (individual Vendors/ Consultants/ Partners)

Danh sách kiểm tra Xung đột lợi ích (Dành cho nhà cung cấp/ Tư vấn/ Đối tác)

Vendors, Consultants or Partners of VINASEED are obliged to declare any situation that can potentially create a conflict of interest, to guarantee that their activities and interests do not conflict with their contractual obligations with VINASEED.

Nhà cung cấp, Tư vấn hoặc Đối tác của VINASEED có nghĩa vụ trình bày bất kỳ tình huống nào có thể gây ra xung đột lợi ích, để đảm bảo không có mâu thuẫn giữa các hoạt động và lợi ích của Ông/Bà với nghĩa vụ hợp đồng của Ông/Bà với VINASEED.

If any of the below situations or facts apply to you, please check (tick) the box.

Nếu bất kỳ tình huống hoặc sự việc nào dưới đây có thể áp dụng với trường hợp của Ông/Bà, vui lòng đánh dấu vào ô trống.

Please be aware that this is not an exhaustive list, if there is any situation not considered in the present document that can create a conflict of interest, please indicate in the last box.

Lưu ý rằng đây không phải là danh sách đầy đủ, nếu có bất kỳ tình huống nào không được đưa ra trong tài liệu này nhưng có thể gây ra xung đột lợi ích, Ông/Bà vui lòng nêu rõ trong mục cuối.

1. The Vendor, Consultant, Partner (or any of its agents, staff, etc.), maintains a relationship under family law (wife/husband, registered partner or other life companion, foster child and relatives by blood or marriage up to the second degree) with an employee of VINASEED. <i>Nhà cung cấp, Tư vấn, Đối tác (hoặc bất kỳ đại lý, nhân viên nào của Ông/Bà, v.v.) có mối quan hệ gia đình (vợ/chồng, bạn đời hợp pháp, con nuôi và họ hàng theo huyết thống hoặc hôn nhân đến đời thứ hai) với một nhân viên của VINASEED.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
2. An employee of VINASEED has a position or interest, personal or financial, in this Vendor, Consultant, Partner. <i>Nhân viên của VINASEED nhận được một chức vụ hoặc lợi ích, về cá nhân hoặc tài chính, từ Nhà cung cấp, Nhà tư vấn, Đối tác này.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
3. The Vendor, Consultant, Partner is dedicated to some external work that could lead to a conflict of interest with respect to their obligations with VINASEED. For example: political affiliations, business relationships with customers from VINASEED etc. <i>Nhà cung cấp, Tư vấn, Đối tác hiện đang thực hiện một số công việc bên ngoài có thể dẫn đến xung đột lợi ích đối với nghĩa vụ của họ với VINASEED. Ví dụ: các đảng phái chính trị, quan hệ kinh doanh với đối tác khác của VINASEED, v.v.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
4. The Vendor, Consultant, Partner is a former employee of VINASEED. <i>Nhà cung cấp, Tư vấn, Đối tác từng là nhân viên của VINASEED.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
5. The Vendor, Consultant, Partner has offered or provided inappropriate gifts, lodging or entertainment to an employee of VINASEED. <i>Nhà cung cấp, Tư vấn, Đối tác đưa ra đề nghị hoặc tặng quà, chỗ ở hoặc phục vụ không phù hợp cho nhân viên của VINASEED.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
6. The Vendor, Consultant, Partner is employed by a current client of VINASEED. <i>Nhà cung cấp, Tư vấn, Đối tác được tuyển dụng bởi một đối tác hiện tại của VINASEED.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
7. The Vendor, Consultant, Partner has received additional information relating to the procurement process that has not been provided to all candidates in consideration. <i>Nhà cung cấp, Tư vấn, Đối tác đã nhận được các thông tin bổ sung liên quan đến quá trình mua sắm mà chưa công bố rộng rãi cho tất cả các ứng viên đang được xem xét.</i>	Yes___ Có___	No___ Không___
8. None of the above apply. However, there may be other facts which could generate conflicts of interest, which I state herewith. <i>Không có mục nào ở trên đúng với trường hợp của Ông/Bà. Tuy nhiên, có thể có những sự việc khác có thể gây ra xung đột lợi ích, Ông/Bà vui lòng trình bày sau đây:</i>	Yes___ Có___	No___ Không___

Part D - Sworn statement/ Phần D – Tuyên bố trang trọng

Having provided the information, we hereby state/ Sau khi đã cung cấp thông tin, chúng tôi xin cam đoan:

That the information furnished in this form is accurate and true to the best of our knowledge/ *Thông tin được cung cấp trong đơn của chúng tôi là đúng sự thật*

We enclose all the documents and information required for this due diligence check/ *Chúng tôi gửi kèm theo tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho kiểm tra thẩm định chi tiết này.*

Date/Ngày:

Represented by/ Đại diện bởi:

Signature/ Chữ ký:

Stamp/ Seal/ Đóng dấu